

Bản án số: 28/2021/HSST  
Ngày: 01/03/2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Xuân Tiền**

2. Bà **Nguyễn Thị Bắc**

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Phạm Hồng Hà**

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa:* Ông **Lê Đăng Hùng** – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 356/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 385/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐHPT-HS ngày 08/01/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐHPT-HS ngày 02/02/2021 đối với các bị cáo:

**ĐÀM THỊ N**, sinh năm: 1986; HKTT và chỗ ở: thôn Đ, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 6/12; Bố: Đàm Văn T, sinh năm 1952 và mẹ: Nguyễn Thị X, sinh năm 1958; Chồng là Nguyễn Quang Tuyến (đã chết); Có 03 con (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2020); tiền sự: không, tiền án: 02.

- Bản án số 62/2020 ngày 13/5/2020 TAND huyện Gia Lâm, Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội Môi giới mại dâm (chưa thi hành án). Phạm tội lần này là tái phạm;

- Bản án số 58/2020/HSST ngày 23/11/2020 TAND huyện Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp với hình phạt tại bản án số 62/2020/HSST ngày 13/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 04 năm 06 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/12/2019 đến ngày 07/01/2020 là 09 ngày. Thời hạn phạt tù bị cáo N còn phải chấp hành là 04 năm 05 tháng 21 ngày tù (chưa thi hành án).

Tạm giữ ngày 05/8/2020, tạm giam ngày 14/08/2020 đến ngày 25/09/2020, hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

**BÙI THỊ L**, sinh năm: 1984; HKTT và chỗ ở: thôn Y, xã H, huyện Đông Anh, Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; Con ông: Bùi Văn Chinh (đã chết) và con bà: Phạm Thị Hoè, sinh năm: 1952; có chồng là Trịnh Mạnh Hà (sinh năm: 1979);

có 03 con (con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2020). Tiền án: 01, tiền sự: 01.

- Tiền án: Bản án số 186/2008 ngày 27/8/2008 TAND huyện Đông Anh, Hà Nội xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản. Đã đóng án phí ngày 14/11/2008 (đã được xoá);

- Tiền sự: Ngày 18/6/2018 Công an huyện Đông Anh xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (đã hết thời hiệu).

Tạm giữ ngày 06/8/2020, huỷ bỏ tạm giữ ngày 14/8/2020, hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

**NGUYỄN VĂN H**, sinh năm: 1993; HKTT: Tổ A, T, Long Biên, Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1970 và con bà: Hồ Thị Y, sinh năm: 1970; tiền án: 01 và tiền sự: 01.

- Tiền sự: Ngày 20/5/2015 Công an phường Thượng Thanh xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy (đã hết thời hiệu);

- Tiền án: Bản án số 304/2016 ngày 16/12/2016 TAND quận Long Biên xử phạt Nguyễn Văn H 28 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, hạn tù tính từ ngày 15/9/2016. Ra tù ngày 15/8/2018. Đóng án phí ngày 16/12/2016 (án chưa được xoá). Phạm tội lần này là tái phạm.

Tạm giữ ngày 06/8/2020, huỷ bỏ tạm giữ ngày 14/8/2020, hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

\* **Bị hại:** - Chị Phan Thị Ngọc A, sinh năm: 1999; HKTT: Xóm A, xã T, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

\* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Phan Thị L, sinh năm 1987, HKTT: Tổ G, phường T, Long Biên, Hà Nội (vắng mặt).

2. Anh Trần H2, sinh năm 1973, HKTT: H, phường L, Ba Đình, Hà Nội (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Ngày 23/06/2020, Công an phường Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội tiếp nhận đơn trình báo của chị Phan Thị Ngọc A, sinh năm: 1999, HKTT: Xóm 8A, Thanh Phong, Thanh Chương, Nghệ An về việc: Khoảng 08 giờ ngày 23/6/2020, chị Ánh bị mất 01 xe máy nhãn hiệu ESPERO màu ghi bạc BKS: 37EA-015.42 tại phòng trọ ở ngõ 128, tổ 7 phường Thạch Bàn, quận Long Biên. Sau khi mất xe máy điện, chị Ánh cùng với chị gái là Phan Thị L, sinh năm 1987, HKTT: tổ 7, phường Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội sang nhà hàng xóm để xem camera thì phát hiện có 02 người phụ nữ đang dắt chiếc xe máy ESPERO BKS: 37EA-015.42. Chị Lê xác định người phụ nữ mặc áo màu đen đang dắt chiếc xe máy điện là bạn chị Lê mang tên Đàm Thị N, sinh năm: 1986, HKTT: Xã Tiên Hội, Đại Từ, Thái Nguyên. Nhận được đơn trình báo, công an quận Long Biên đã tiến hành điều tra làm rõ:

Khoảng 08 giờ ngày 23/06/2020, N rú L, sinh năm: 1984, HKTT: Yên Hà, Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội sang nhà chị Lê chơi. Sau đó L nhờ Nguyễn Văn H, sinh năm: 1983, HKTT: Tổ 24, phường Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội điều khiển xe máy đèo N và L đến nhà chị Lê ở tổ 7 phường Thạch Bàn chơi. Khi đến

phố Ngọc Trì, phường Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội thì H đi có việc nên H thả N và L ở phố Ngọc Trì để N và L đi bộ vào chị Lệ. Khi đến nơi, N gọi chị Lệ nhưng không thấy có ai nên đã mở cửa vào nhà và thấy có 01 xe máy điện màu ghi bạc BKS: 37EA-015.42 không khoá cở nên nảy sinh ý định trộm cắp. Sau đó N và L đẩy chiếc xe máy điện ra ngoài đường Cổ Linh, phường Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội rồi gọi cho H đến đón. Tại đây, H hỏi “xe đâu ra” thì N nói: “xe lấy ở nhà bạn mang đi sửa” và nhờ H đẩy xe giúp N và L. Sau đó L ngồi lên chiếc xe vừa trộm cắp được còn H đèo N ngồi sau dùng chân đẩy chiếc về nhà của L ở xóm Yên Hà, xã Hải Bối, huyện Đông Anh, Hà Nội. Khi đi đến huyện Đông Anh thì N dắt chiếc xe trên vào quán sửa xe máy của anh Nguyễn Quốc Hiên, sinh năm 1983, HKTT: thôn Cổ Điền, xã Hải Bối, huyện Đông Anh, Hà Nội để thay bugi xe. Sau khi nổ được máy xe, cả ba cùng đi về phòng trọ của L. Tại đây, N và L nói cho H biết chiếc xe máy trên là do N và L trộm cắp được và nhờ H đi tiêu thụ. H đồng ý. Sau đó H điều khiển chiếc xe ESPERO BKS: 37EA-015.42 sang khu vực phố Hoàng Hoa Thám, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội gặp Trần H2, sinh năm 1973, HKTT: 19/267 Hoàng Hoa Thám, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội để bán xe. Khi gặp Hoan, H nói muốn bán xe của nhà mình, giấy tờ để quên ở nhà sẽ mang cho Hoan sau nên Hoan đồng ý mua xe trên với giá 1.500.000đồng. Sau khi bán được xe H gọi cho L sang đón về nhà trọ rồi H, N và L cùng nhau tiêu xài hết số tiền 1.500.000đồng.

Ngày 05/8/2020, Đàm Thị N đã đến công an phường Thạch Bàn, quận Long Biên để đầu thú về hành vi nêu trên.

Ngày 6/8/2020 Cơ quan điều tra đã triệu tập Bùi Thị L và Nguyễn Văn H lên làm việc, tại cơ quan điều tra L và H khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, phù hợp với lời khai của Đàm Thị N và tài liệu chứng cứ thu thập được.

Ngày 17/8/2020, sau nhiều lần liên hệ với H không thấy H mang giấy tờ xe đến, anh Hoan được H cho biết chiếc xe máy ESPERO BKS: 37EA-015.42 là tài sản trộm cắp, H trả lại 1.500.000đồng cho anh Hoan. Ngày 18/8/2020 anh Hoan đã tự nguyện giao nộp chiếc xe trên cho Cơ quan cảnh sát điều tra.

*Tại kết luận định giá tài sản số 136 ngày 18/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Long Biên kết luận:* 01 xe máy nhãn hiệu ESPERO BKS: 37EA-015.42 màu ghi trị giá 5.000.000đồng.

Đối với chiếc xe máy ESPERO BKS: 37EA-015.42 đăng ký chủ sở hữu Phan Thị Ngọc A, quá trình điều tra xác định chị Ánh mua chiếc xe trên năm 2019 sau đó đăng ký chính chủ làm phương tiện đi lại hàng ngày. Kết quả giám định số khung số máy nguyên thủy. Chị Ánh có đơn xin lại xe. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Long Biên đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc xe máy ESPERO BKS: 37EA-015.42 cho chị Ánh. Chị Ánh đã nhận lại xe, không có yêu cầu gì khác về dân sự và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Đối với anh Trần H2, quá trình mua bán xe với H anh Hoan không biết chiếc xe là tài sản do N và L phạm tội mà có. Khi biết được chiếc xe là tài sản trộm cắp, anh Hoan đã tự nguyện giao nộp chiếc xe cho cơ quan cảnh sát điều tra. Vì vậy, cơ quan cảnh sát điều tra không đặt vấn đề xử lý đối với anh Hoan.

Lời khai của Đàm Thị N phù hợp với lời khai của Bùi Thị L, Nguyễn Văn H, phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu được.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đàm Thị N , Bùi Thị L , Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình theo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

Bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại bản cáo trạng số 346/CT-VKS-LB ngày 26/11/2020 Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên truy tố các bị cáo Đàm Thị N , Bùi Thị L về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 và bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa thấy rằng: Hành vi của các bị cáo Đàm Thị N và Bùi Thị L đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn Văn H về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015.

*Về hình phạt đề nghị HĐXX:*

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đàm Thị N .

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bùi Thị L .

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Văn H .

*Đề nghị xử phạt các bị cáo với mức án sau:*

- Đề nghị xử phạt bị cáo N mức án từ **12 tháng đến 15 tháng tù**, buộc bị cáo tiếp tục chấp hành 36 tháng tù về tội: “Môi giới mại dâm” của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội chưa chấp hành và 18 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” của Tòa án nhân dân huyện Sông Công, tỉnh Thái Nguyên chưa chấp hành. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cả 03 bản án từ 66-69 tháng tù.

- Đề nghị xử phạt bị cáo L mức án từ **09 tháng đến 12 tháng tù**.

- Đề nghị xử phạt bị cáo H mức án từ **12 tháng đến 15 tháng tù**.

Các bị cáo không có nghề nghiệp , không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: không.

Nói lời sau cùng, các bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình là sai, vi phạm pháp luật. Mong Hội đồng xét xử cho các bị cáo được giảm nhẹ hình phạt, để sớm trở về hòa nhập cộng đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Long Biên, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, của người làm chứng, biên bản về việc bắt người, vật chứng, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ. Có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 23/06/2020 tại khu vực ngõ 128, tổ 7 phường Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội, Đàm Thị N và Bùi Thị L có hành vi trộm cắp 01 xe máy điện ESPERO BKS: 37EA-015.42 của chị Phan Thị Ngọc A rồi đưa xe cho Nguyễn Văn H đem đi bán cho anh Trần H2 được 1.500.000đồng để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 5.000.000đồng.

Hành vi của bị cáo đã đủ cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" và "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Do đó Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên truy tố các bị cáo Đàm Thị N và Bùi Thị L về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn Văn H về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng pháp luật.

[3] Về vai trò của các bị cáo và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Trong vụ án này, bị cáo Đàm Thị N là người trực tiếp nảy sinh ý định trộm cắp và rủ L cùng thực hiện, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền về tài sản của công dân được Nhà nước bảo vệ. Việc trộm cắp của bị cáo gây mất trật tự, an ninh xã hội, vi phạm đạo đức, lối sống, văn hóa của con người. Bị cáo nhận thức được điều này nhưng vẫn ngang nhiên trộm cắp mục đích để hưởng lợi là thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy cần phải được xử lý bằng một bản án hình sự của Nhà nước mới có tác dụng giáo dục bị cáo nói riêng cũng như trong việc đấu tranh đối với loại tội phạm này nói chung.

- **Xét nhân thân bị cáo N**, tháng 5 năm 2020 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội Mối giới mại dâm chưa thi hành án, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm. Ngoài ra, qua xác minh lý lịch ngày 23/11/2020 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (án đã có hiệu lực pháp luật) thể hiện bị cáo có nhân thân rất xấu, bị cáo đã được Nhà nước giáo dục, cải tạo về hành vi vi phạm pháp luật, do bị cáo có thai nên được cho tại ngoại nhưng vẫn tiếp tục vi phạm pháp luật thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo sau khi đã bị kết án về hành vi mối giới mại dâm nhưng vẫn tiếp tục hành vi trộm cắp nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo cần phải nghiêm trị.

+ Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội lần này là tái phạm nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

+ Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi đồng thời người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo

nên là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội cùng nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt nhằm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nhận định ở trên.

**- Xét nhân thân bị cáo Bùi Thị L :** Trong vụ án này, bị cáo biết việc trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng khi bị cáo N rủ trộm cắp đã không ngăn cản còn đồng ý thực hiện ngay. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người bị hại trong quản lý tài sản, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp, việc bị cáo trộm cắp tài sản của người khác xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ gây mất trật tự an toàn xã hội. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

+ Về tình tiết tăng nặng: Không.

+ Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi đồng thời người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có 01 tiền án, 01 tiền sự tuy đã được xóa án tích nhưng tiền án trước của bị cáo cũng phạm tội trộm cắp tài sản thể hiện bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

**- Xét nhân thân bị cáo Nguyễn Văn H :** Bị cáo có 01 tiền sự đã hết thời hiệu và 01 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm, bị cáo đã được Nhà nước giáo dục pháp luật bằng một bản án nghiêm khắc nhưng không ăn năn hối cải, bị cáo biết việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật sau khi biết sự việc đã không khuyên nhủ bị cáo N và L trả lại tài sản mà còn đồng ý giúp bị cáo L và N tiêu thụ tài sản trộm cắp. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được việc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn thực hiện, do đó cần phải xử phạt bị cáo một hình phạt tù cách ly với xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung.

+ Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội lần này là tái phạm nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

+ Về tình tiết giảm nhẹ: Khi lượng hình cũng xem xét, tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, giá trị tài sản trộm cắp không lớn, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét

xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình một phần phạt cho bị cáo.

**[4]** Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét đến nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo để ra một bản án đúng người đúng tội thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo buộc các bị cáo phải cách ly ra ngoài đời sống xã hội một thời gian tương xứng với tính chất mức độ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện mới có đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo các bị cáo để góp phần phòng ngừa chung trong xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, không có công việc ổn định và không có tài sản riêng, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

**[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:**

- Đối với chiếc xe máy ESPERO BKS: 37EA-015.42 đăng ký chủ sở hữu chỉ Phan Thị Ngọc A, chị Ánh sử dụng xe làm phương tiện đi lại hàng ngày. Kết quả giám định số khung số máy nguyên thủy. Công an quận Long Biên đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc xe máy ESPERO BKS: 37EA-015.42 cho chị Ánh. Chị Ánh đã nhận lại xe, không có yêu cầu gì khác về dân sự và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

- Đối với anh Trần H2, quá trình mua bán xe với H anh Hoan không biết chiếc xe là tài sản do N và L phạm tội mà có. Khi biết được chiếc xe là tài sản trộm cắp, anh Hoan đã tự nguyện giao nộp chiếc xe cho cơ quan cảnh sát điều tra.

+ Bị hại chị Phan Thị Ngọc A, đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì về dân sự đối với các bị cáo nên không xét.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần H2 đã được bị cáo H trả lại 1.500.000đồng không có yêu cầu bồi thường gì khác về dân sự đối với các bị cáo, nên không xét.

**[6] Về xử lý vật chứng:** Không.

**[7] Về án phí và quyền kháng cáo:** Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đàm Thị N ;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bùi Thị L ;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn H ;

**2. Tuyên bố:** Các bị cáo **Đàm Thị N và Bùi Thị L** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”, bị cáo **Nguyễn Văn H** phạm tội “**Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có**”.

- **Xử phạt bị cáo:** Đàm Thị N **15 (Mười lăm) tháng tù.** Tổng hợp với hình phạt **04 (bốn) năm 05 (năm) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày tù** về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 58/2020/HS-ST ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân

huyện Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã có hiệu lực pháp luật, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho 02 bản án là **05 (năm) năm 08 (tám) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/08/2020 đến ngày 25/9/2020.

- **Xử phạt bị cáo:** Bùi Thị L **10 (Mười) tháng tù**; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 06/08/2020 đến ngày 14/8/2020.

- **Xử phạt bị cáo:** Nguyễn Văn H **15 (Mười lăm) tháng tù** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 06/08/2020 đến ngày 14/8/2020.

**Về hình phạt bổ sung:** Không áp dụng đối với các bị cáo.

**3. Về xử lý vật chứng:** Không.

**4. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:** Không.

**5. Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Đàm Thị N, Bùi Thị L, Nguyễn Văn H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**6. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Công an quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- Sở tư pháp TP Hà Nội;
- Trại tạm giam Công an TP Hà Nội;
- Bị cáo; bị hại; người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Hồng Hạnh**



